

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 05-02-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo họ và tên:

HVD (tên gọi khác: /); giới tính: Nam; sinh năm 2000 tại N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn HN, xã PT, huyện NP, tỉnh N; nơi cư trú: 60/25/7 X, Phường 1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Bà la môn; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; họ và tên cha: HVD; họ và tên mẹ: LTT; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/10/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Công ty A; địa chỉ trụ sở: 54 đường số 4, khu đô thị mới A, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện hợp pháp của Công ty: Bà TLPT, sinh năm 1999; địa chỉ: 33 đường 14, khu dân cư D, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2020) – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà TLPT, sinh năm 1999; địa chỉ: 33 đường 12, khu dân cư D, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ông LMT, sinh năm 1982; địa chỉ: V10302 chung cư S, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông TVL (tên gọi khác: Trung), sinh năm 1992; địa chỉ: ấp K 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh S; tạm trú: 2/9-11 TL, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/10/2020, HVD đi xe ôm đến Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty) để nộp hồ sơ xin việc. Khi đến nơi D quan sát, thấy cửa ra vào trên tầng 1 Công ty không khóa nên nảy sinh ý trộm cắp tài sản. Sáng ngày 03/10/2020, D đến Công ty quan sát thì vẫn thấy cửa trên tầng 1 không khóa. Đến khoảng 22 giờ ngày 05/10/2020, D đi xe ôm từ quận X đến Công ty thấy Công ty không có nhân viên bảo vệ, cửa ban công trên tầng 1 không khóa. D leo vào Công ty A trộm cắp tài sản bao gồm: 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Pro Retina 15 inch 2015; 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air A1466; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 359002092772840; 01 túi đựng laptop chống sốc; 01 ba lô. Sáng ngày 06/10/2020, D liên lạc với TVL (Trung) bán 02 laptop với giá 10.000.000 đồng. D sử dụng tiền bán laptop mua 01 chiếc máy tính bảng hiệu Apple Ipad và còn lại 2.500.000 đồng. Bị mất tài sản, đại diện Công ty đến cơ quan Công an trình báo. Qua truy xét, đến ngày 09/10/2020, HVD bị Cơ quan Công an bắt khẩn cấp.

Tại Kết luận định giá số 397/KL-HĐĐGTTTHS ngày 13/10/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận B kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Pro Retina 15 inch 2015; 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air A1466; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 359002092772840; 01 túi đựng laptop chống sốc; 01 ba lô. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá: 32.650.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Quận 7 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả tài sản tạm giữ nêu trên cho bị hại.

Tại Cơ quan Công an, HVD đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty Aort, bà T, ông T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.
- Tại phiên tòa ông TVL chỉ yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 10.000.000 đồng đã mua tài sản của D bị thu hồi.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSQ7 ngày 11/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo HVD về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho ông TVL số tiền 5.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo HVD có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Pro Retina 15 inch 2015; 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air A1466; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 359002092772840; 01 túi đựng laptop chống sốc; 01 hóa đơn bán hàng; 01 ba lô. Theo Kết luận định giá tài sản số 397/KL-HĐĐGTTTHS ngày 13/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 32.650.000đ (ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố là đúng người, đúng tội.

Xuất phát từ động cơ tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh. Hành vi này là nghiêm trọng vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần xét xử bằng mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 Ipad Pro 11 inch màu đen, imei: 35870009090984355, dung lượng 256Gb, là tài sản bị cáo Dàng sử dụng tiền bán tài sản trộm cắp có được để mua, nên xét tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei: 359002092772840, 01 túi đựng laptop chống sốc, màu xanh đen, kích thước 30 x 50 cm, 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Pro Retina 15 inch 2015; 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air A1466, 01 hóa đơn bán hàng, 01 ba lô là tài sản mà bị cáo Dàng trộm cắp, đã trả lại cho các bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Tiền Việt Nam 2.500.000 đồng là số tiền còn lại sau khi bị cáo D bán tài sản trộm cắp cho TVL. Ông L khi mua không biết đây là tài sản trộm cắp nên xét trả lại cho ông TVL.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty A, bà T, ông T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông TVL yêu cầu bị cáo D bồi thường 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 10.000.000 đồng đã mua tài sản của D bị thu hồi. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ của bị cáo D số tiền 2.500.000 đồng là số tiền còn lại sau khi bị cáo D bán tài sản trộm cắp cho ông TVL, xét trả lại cho ông L số tiền 2.500.000 đồng nên ông L chỉ yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền còn lại là 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo D đồng ý với yêu cầu trên của ông D nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc tiếp tục bồi thường cho ông Lợi số tiền 2.500.000 đồng.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo HVD phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo HVD 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Ipad Pro 11 inch màu đen, IMEI: 35870009090984355, dung lượng 256Gb.

- Trả cho ông TVL số tiền 2.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo HVD bồi thường cho ông TVL số tiền 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền các bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 43 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Lệnh thanh

toán ngày 09/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.)

3. Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ;
(TK. Trang) .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Phương